

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5- TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Ngọc Minh
- Bà Võ Thị Trong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/2025/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Trúc M, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số B, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Long An (nay là ấp G, xã T, tỉnh Tây Ninh).

- *Bị đơn:* Ông Châu Ngọc P, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số A, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Long An (nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh).

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Trương Thị Trúc M trình bày:

Bà và ông Châu Ngọc P chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 05/10/2009 (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay vợ

chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2025 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Châu Ngọc P.

Về nuôi con chung: Bà và ông P có với nhau 02 con chung tên Châu Tấn L sinh ngày 31/8/2009 và Châu Thị Kim Y sinh ngày 29/8/2010. Hiện hai con chung đang sống chung với ông P. Khi ly hôn bà yêu cầu được giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay là giao hai con chung cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ông Châu Ngọc P là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng ông P vắng mặt nên không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị Trúc M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Châu Ngọc P. Ông P cư trú tại xã T, tỉnh Tây Ninh (trước đây là xã H, huyện C, tỉnh Long An) nên Tòa án nhân dân khu vực 5- Tây Ninh (trước đây là Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An) thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Bà M, ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và bà M có đơn xin xét xử vắng mặt, ông P vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông P là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông P đã phát sinh mâu thuẫn, ông P biết rõ yêu cầu ly hôn của bà M nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, thể hiện việc các đương sự không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

[3] Về nuôi con chung: Bà M và ông P có với nhau hai người con chung tên Châu Tấn L, sinh ngày 31/8/2009 và Châu Thị Kim Y, sinh ngày 29/8/2010.

Xét, yêu cầu về nuôi con chung của đương sự phù hợp với nguyện vọng của con chung, để không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cần giữ nguyên tình trạng nuôi con chung hiện nay là cần giao hai con chung cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông P không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Trương Thị Trúc M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trương Thị Trúc M và ông Châu Ngọc P.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Châu Tấn L, sinh ngày 31/8/2009 và Châu Thị Kim Y, sinh ngày 29/8/2010, cho ông Châu Ngọc P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Trương Thị Trúc M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Trương Thị Trúc M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011022 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An (nay là Thi hành án tỉnh Tây Ninh).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh;
- THA dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã T, tỉnh T (trước đây là xã H, huyện C, tỉnh L;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duy